



**BAKER TILLY  
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

*A&C*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
28 QUẢNG NGÃI**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	12 - 31

\*\*\*\*\*

1498  
HÌNH  
IG TY  
TOÁN  
NHA  
NG-

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3403000103 ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ nhất ngày 01 tháng 7 năm 2008 do thay đổi người đại diện theo pháp luật.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 02 ngày 04 tháng 3 năm 2011 do thay đổi người đại diện theo pháp luật.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 03 ngày 30 tháng 3 năm 2016 do tăng vốn chủ sở hữu.

### Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 121 Lê Trung Đình, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
- Điện thoại : (055) 3 822 647
- Fax : (055) 3 828 507

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: Sản xuất kinh doanh hàng may mặc, phụ tùng thiết bị ngành may; Kinh doanh bao bì và nguyên phụ liệu ngành may.

### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Nguyễn Văn Tình	Chủ tịch	11 tháng 04 năm 2013
Bùi Văn Hóa	Phó chủ tịch	01 tháng 12 năm 2010
Vũ Công Vinh	Ủy viên	01 tháng 12 năm 2010

#### Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Bình	Trưởng Ban kiểm soát	Bổ nhiệm 06 tháng 5 năm 2016
Bà Phạm Thị Luyến	Thành viên	Bổ nhiệm 06 tháng 5 năm 2016
Bà Huỳnh Thị Thúy Hằng	Thành viên	Bổ nhiệm 06 tháng 5 năm 2016
Ông Phùng Minh Đại	Thành viên	Miễn nhiệm 20 tháng 3 năm 2013

#### Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bùi Văn Hóa	Tổng Giám đốc	01 tháng 12 năm 2010
Vũ Công Vinh	Phó Tổng Giám đốc	09 tháng 12 năm 2010

S-00  
 ANH  
 TNH  
 và TU  
 C  
 RAN  
 F. KV

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Văn Hóa – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2010).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,  
  


**Bùi Văn Hóa**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 16 tháng 3 năm 2017



Số: 045/2017/BCTC-KTTV

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN 28 QUẢNG NGÃI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 02 năm 2017, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Phan Thị Ngọc Trâm - Phó Giám đốc**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0979-2013-008-01

**Hàng Quỳnh Hạnh - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0963-2013-008-1

Nha Trang, ngày 16 tháng 3 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 QUẢNG NGÃI**

Địa chỉ: 121 Lê Trung Đình, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>80.601.537.257</b>	<b>95.633.508.025</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>454.134.009</b>	<b>578.335.707</b>
1. Tiền	111		454.134.009	578.335.707
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>28.728.907.783</b>	<b>31.859.536.555</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	23.319.536.575	30.848.923.984
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	5.721.792.812	1.087.551.592
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	332.587.770	588.070.353
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(645.009.374)	(665.009.374)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>48.736.303.803</b>	<b>55.467.027.241</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	48.736.303.803	55.467.027.241
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.682.191.662</b>	<b>7.728.608.522</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	113.583.437	151.696.372
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.042.275.377	5.835.742.305
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	1.526.332.848	1.741.169.845
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TÀI M.S.C.



**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 QUẢNG NGÃI**

Địa chỉ: 121 Lê Trung Đình, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>14.455.500.533</b>	<b>14.918.529.917</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	<b>127.368.214</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	-	127.368.214
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>13.851.990.007</b>	<b>14.078.087.644</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	13.851.990.007	14.078.087.644
- Nguyên giá	222		33.908.829.112	31.274.519.824
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.056.839.105)	(17.196.432.180)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>603.510.526</b>	<b>713.074.059</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	603.510.526	713.074.059
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>95.057.037.790</b>	<b>110.552.037.942</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 QUẢNG NGÃI**

Địa chỉ: 121 Lê Trung Đình, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>72.840.569.522</b>	<b>94.885.325.388</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>67.984.274.209</b>	<b>86.146.540.075</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	23.078.798.375	33.809.780.151
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	1.236.868.394	3.877.350.283
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	342.763.815	268.881.419
4. Phải trả người lao động	314	V.12	11.451.839.147	12.791.466.539
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	420.577.422	405.007.368
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	1.844.977.390	1.327.537.296
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	28.914.600.223	33.289.182.175
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	693.849.443	377.334.844
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.856.295.313</b>	<b>8.738.785.313</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	4.856.295.313	8.738.785.313
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 QUẢNG NGÃI**

Địa chỉ: 121 Lê Trung Đình, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>22.216.468.268</b>	<b>15.666.712.554</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>22.216.468.268</b>	<b>15.666.712.554</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.110.970.000	10.073.980.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.110.970.000	10.073.980.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.17	2.586.548.233	2.586.548.233
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.17	4.518.950.035	3.006.184.321
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		-	3.006.184.321
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		4.518.950.035	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>95.057.037.790</b>	<b>110.552.037.942</b>

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 02 năm 2017

  
 Nguyễn Thị Bình  
 Người lập

  
 Nguyễn Thị Thanh Nga  
 Kế toán trưởng

  
 Bùi Văn Hóa  
 Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 QUẢNG NGÃI**

Địa chỉ: 121 Lê Trung Đình, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	309.586.132.047	259.388.177.510
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		309.586.132.047	259.388.177.510
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	268.290.773.085	222.237.383.251
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		41.295.358.962	37.150.794.259
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	531.463.009	162.408.834
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.058.801.218	3.230.771.535
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.764.635.622	2.427.694.946
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	21.380.869.583	17.835.013.524
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	13.410.982.788	12.809.047.153
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.976.168.382	3.438.370.881
11. Thu nhập khác	31	VI.7	112.791.333	345.382.023
12. Chi phí khác	32	VI.8	75.543.386	281.894.201
13. Lợi nhuận khác	40		37.247.947	63.487.822
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.013.416.329	3.501.858.703
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.11	1.068.417.083	870.040.039
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.944.999.246	2.631.818.664
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a,b	1.795	1.681
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9a,b	1.795	1.681

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 02 năm 2017

  
 Nguyễn Thị Bình  
 Người lập

  
 Nguyễn Thị Thanh Nga  
 Kế toán trưởng

  
 Bùi Văn Hóa  
 Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 QUẢNG NGÃI**

Địa chỉ: 121 Lê Trung Đình, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.013.416.329	3.501.858.703
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8	2.860.406.925	2.327.545.181
- Các khoản dự phòng	03	V.5	(20.000.000)	665.009.374
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	293.246.778	332.287.364
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(17.911.111)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	1.764.635.622	2.427.694.946
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9.911.705.654	9.236.484.457
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		8.489.337.791	(22.460.143.127)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.6	6.730.723.438	(9.361.406.552)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(15.650.421.613)	17.377.551.452
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.7	147.676.468	945.079.906
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.13, V.14	(1.712.450.024)	(2.398.123.159)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.11	(1.001.645.155)	(1.227.659.069)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.16	34.600.000	15.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.16, V.17	(656.539.433)	(256.493.489)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>6.292.987.126</b>	<b>(8.129.709.581)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8	(2.634.309.288)	(3.788.999.364)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	17.911.111
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2.634.309.288)</b>	<b>(3.771.088.253)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN 28 QUẢNG NGÃI

Địa chỉ: 121 Lê Trung Đình, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.17	1.154.500.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.15	237.412.752.008	155.860.831.338
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.15	(242.037.275.972)	(155.391.516.867)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17	(329.032.500)	(277.080.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(3.799.056.464)</b>	<b>192.234.471</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(140.378.626)</b>	<b>(11.708.563.363)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>578.335.707</b>	<b>12.310.658.885</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		16.176.928	(23.759.815)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>454.134.009</b>	<b>578.335.707</b>

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 02 năm 2017

  
Nguyễn Thị Bình  
Người lập

  
Nguyễn Thị Thanh Nga  
Kế toán trưởng

  
Bùi Văn Hòa  
Tổng Giám đốc

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất gia công sản phẩm may mặc.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh hàng may mặc, phụ tùng thiết bị ngành may; Kinh doanh bao bì và nguyên phụ liệu ngành may.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### **6. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 868 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 945 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

##### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua/bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

##### **3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

##### **4. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.



Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí sản xuất chờ phân bổ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN 28 QUẢNG NGÃI

Địa chỉ: 121 Lê Trung Đình, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 12
Tài sản cố định khác	05

### 8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN 28 QUẢNG NGÃI**

Địa chỉ: 121 Lê Trung Đình, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **10. Vốn chủ sở hữu**

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### **11. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Doanh thu gia công*

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hóa là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

**13. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**14. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

**15. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN 28 QUẢNG NGÃI**

Địa chỉ: 121 Lê Trung Đình, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### **16. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 QUẢNG NGÃI**

Địa chỉ: 121 Lê Trung Đình, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Chợ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	34.217.673	5.772.858
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	419.916.336	572.562.849
<b>Cộng</b>	<b><u>454.134.009</u></b>	<b><u>578.335.707</u></b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	326.637.465
Công ty TNHH Một thành viên 28.1	-	326.637.465
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	23.319.536.575	30.522.286.519
Việt Nam Sourcing Investment Company Limited	-	2.924.026.090
Motives (Far East) Limited	5.226.821.016	14.816.253.537
Hultafors Group AB	7.380.647.873	9.756.211.219
Công ty Cổ phần May Minh Hoàng	2.862.620.913	-
Supreme Rich Garment Co, Ltd	5.759.444.775	1.742.649.820
Các khách hàng khác	2.090.001.998	1.283.145.853
<b>Cộng</b>	<b><u>23.319.536.575</u></b>	<b><u>30.848.923.984</u></b>

Toàn bộ nợ phải thu đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Quảng Ngãi theo hợp đồng số 490.15.651.123015.TD ngày 28 tháng 5 năm 2015.

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	5.721.792.812	1.087.551.592
Frameless Asia Pacific Limited	134.682.668	471.146.712
Uniplast Industries (Asia) Limited	66.000.000	136.039.965
Supreme Rich Garment Co, Ltd	4.283.365.843	-
Các nhà cung cấp khác	1.237.744.301	480.364.915
<b>Cộng</b>	<b><u>5.721.792.812</u></b>	<b><u>1.087.551.592</u></b>

**4. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	332.587.770	-	588.070.353	-
Tạm ứng cho nhân viên	160.072.350	-	54.649.168	-
Bảo hiểm xã hội tỉnh Quảng Ngãi - chi ốm đau thai sản	58.441.815	-	284.255.871	-
Các khoản chi hộ Supreme Rich Garment Co, Ltd	-	-	135.826.599	-
Quỹ nghĩa tình đồng đội	93.288.798	-	18.011.202	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	20.784.807	-	95.327.513	-
<b>Cộng</b>	<b><u>332.587.770</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>588.070.353</u></b>	<b><u>-</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 QUẢNG NGÃI**

Địa chỉ: 121 Lê Trung Đình, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**4b. Phải thu dài hạn khác**

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

**5. Nợ xấu**

	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị có thể thu hồi
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc	
<i>Các tổ chức khác</i>					
Active Knitwear resource inc - Phải thu tiền hàng	Trên 3 năm	291.469.100	-	Trên 3 năm	291.469.100
Công ty TNHH Sản xuất-Thương mại-Dịch vụ Bách Việt - Phải thu tiền hàng	Trên 3 năm	141.220.850	-	Trên 3 năm	161.220.850
Công ty TNHH Sản xuất -Thương mại May mặc Châu Chinh - Phải thu tiền hàng	Trên 3 năm	135.196.468	-	Trên 3 năm	135.196.468
Công ty TNHH Sản xuất -Thương mại May mặc Hải Tuyên - Phải thu tiền hàng	Trên 3 năm	77.122.956	-	Trên 3 năm	77.122.956
<b>Cộng</b>		<b>645.009.374</b>	-	<b>665.009.374</b>	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	665.009.374	-
Trích lập dự phòng	-	665.009.374
Hoàn nhập dự phòng	(20.000.000)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>645.009.374</b>	<b>665.009.374</b>

**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	35.233.032.721	-	25.433.855.435	-
Công cụ, dụng cụ	276.622.324	-	42.033.260	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.560.385.613	-	5.626.033.101	-
Thành phẩm	8.509.334.095	-	17.242.912.469	-
Hàng hóa	156.929.050	-	159.938.235	-
Hàng gửi đi bán	-	-	6.962.254.741	-
<b>Cộng</b>	<b>48.736.303.803</b>	-	<b>55.467.027.241</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 QUẢNG NGÃI**

Địa chỉ: 121 Lê Trung Đình, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Chợ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Toàn bộ hàng tồn kho đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Quảng Ngãi theo hợp đồng thế chấp số 490.15.651.123015.TD ngày 28 tháng 5 năm 2015

**7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	56.666.667	51.458.193
Các chi phí trả trước dài hạn khác	56.916.770	100.238.179
<b>Cộng</b>	<b><u>113.583.437</u></b>	<b><u>151.696.372</u></b>

**7b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	386.140.833	688.007.344
Các chi phí trả trước dài hạn khác	217.369.693	25.066.715
<b>Cộng</b>	<b><u>603.510.526</u></b>	<b><u>713.074.059</u></b>

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	12.290.435.563	14.605.081.356	2.345.348.262	2.033.654.643	31.274.519.824
Mua trong năm	100.909.091	2.437.847.470	-	-	2.538.756.561
Đầu tư XD/CB hoàn thành	95.552.727	-	-	-	95.552.727
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>12.486.897.381</u></b>	<b><u>17.042.928.826</u></b>	<b><u>2.345.348.262</u></b>	<b><u>2.033.654.643</u></b>	<b><u>33.908.829.112</u></b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	904.633.717	7.996.155.638	991.957.353	1.219.919.279	11.112.665.987
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	4.470.659.886	9.988.338.256	1.312.861.595	1.424.572.443	17.196.432.180
Khấu hao trong năm	761.840.645	1.606.420.607	270.678.182	221.467.491	2.860.406.925
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>5.232.500.531</u></b>	<b><u>11.594.758.863</u></b>	<b><u>1.583.539.777</u></b>	<b><u>1.646.039.934</u></b>	<b><u>20.056.839.105</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	7.819.775.677	4.616.743.100	1.032.486.667	609.082.200	14.078.087.644
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>7.254.396.850</u></b>	<b><u>5.448.169.963</u></b>	<b><u>761.808.485</u></b>	<b><u>387.614.709</u></b>	<b><u>13.851.990.007</u></b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 QUẢNG NGÃI**

Địa chỉ: 121 Lê Trung Đình, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Phải trả người bán ngắn hạn****9a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>23.078.798.375</i>	<i>33.809.780.151</i>
A&I tex Corporation Shinyoung	832.782.018	842.327.983
Pang Rim Co., Ltd.	3.560.988.361	4.283.610.200
Mirae c.c.l	393.692.978	4.215.098.272
Weaving Dyeing & Finishing Co.Ltd	2.420.396.438	4.119.811.242
LMH Fashion Limited	3.437.723.425	-
Các nhà cung cấp khác	12.433.215.155	20.348.932.454
<b>Cộng</b>	<b><u>23.078.798.375</u></b>	<b><u>33.809.780.151</u></b>

**9b. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>11.343.074</i>	<i>3.877.350.283</i>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty 28	11.343.074	3.877.350.283
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>1.225.525.320</i>	<i>-</i>
LMH Fashion Limited	1.225.525.320	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.236.868.394</u></b>	<b><u>3.877.350.283</u></b>

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>		
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Số thuế được hoàn</u>	<u>Phải nộp</u>	
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.732.518.264	-	(1.700.908.708)	1.907.094.124	-	1.526.332.848
Thuế thu nhập doanh nghiệp	268.881.419	-	1.068.417.083	(1.001.645.155)	-	335.653.347	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	8.651.581	17.317.500	(1.555.451)	-	7.110.468	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>268.881.419</u></b>	<b><u>1.741.169.845</u></b>	<b><u>1.088.734.583</u></b>	<b><u>(2.707.109.314)</u></b>	<b><u>1.907.094.124</u></b>	<b><u>342.763.815</u></b>	<b><u>1.526.332.848</u></b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 22%).

**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 QUẢNG NGÃI**

Địa chỉ: 121 Lê Trung Đình, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.013.416.329	3.501.858.703
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	493.669.085	612.414.201
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	5.507.085.414	4.114.272.904
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	<i>1.101.417.083</i>	<i>905.140.039</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm<sup>(*)</sup></i>	<i>(33.000.000)</i>	<i>(35.100.000)</i>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>1.068.417.083</b>	<b>870.040.039</b>

(\*) Công ty được giảm thuế đối với trường hợp doanh nghiệp sản xuất sử dụng nhiều lao động nữ với mức giảm bằng số chỉ thêm cho các lao động nữ, căn cứ quy định của pháp luật về lao động, Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**12. Phải trả người lao động**

Là tiền lương phải trả cho người lao động.

**13. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>420.577.422</i>	<i>405.007.368</i>
Chi phí thuê đất Bộ Quốc Phòng	199.953.723	284.429.000
Chi phí lãi vay phải trả	127.738.191	75.552.593
Chi phí bảo hộ lao động	47.464.097	-
Chi phí phải trả cho nhân viên	45.421.411	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	45.025.775
<b>Cộng</b>	<b>420.577.422</b>	<b>405.007.368</b>

**14. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>1.406.352.006</i>	<i>305.563.906</i>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty 28 - Cổ tức phải trả	1.164.747.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty 28 - Phải trả các khoản thu chi hộ	241.605.006	305.563.906
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>438.625.384</i>	<i>1.021.973.390</i>
Kinh phí công đoàn	74.318.232	-
Bảo hiểm xã hội	211.498.752	882.100.295
Quỹ nghĩa tình đồng đội	-	18.011.202
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	152.808.400	121.861.893
<b>Cộng</b>	<b>1.844.977.390</b>	<b>1.327.537.296</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 QUẢNG NGÃI**

Địa chỉ: 121 Lê Trung Đình, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****15. Vay ngắn hạn/dài hạn****15a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả tổ chức khác</i>		
Vay ngắn hạn ngân hàng	28.914.600.223	33.289.182.175
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Quảng Ngãi</i>	<i>28.914.600.223</i>	<i>33.289.182.175</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>28.914.600.223</u></b>	<b><u>33.289.182.175</u></b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Quảng Ngãi theo hợp đồng số số 13515.16.651.123015.TD ngày 07/4/2016 với hạn mức 60.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh hàng dệt may với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng toàn bộ giá trị hàng tồn kho luân chuyển, các khoản nợ phải thu luân chuyển của Công ty và thư bảo lãnh ngân hàng theo hợp đồng số 342.14.651.123015 ngày 28 tháng 5 năm 2015.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	33.289.182.175	25.509.160.094
Số tiền vay phát sinh	237.412.752.008	155.860.831.338
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư gốc ngoại tệ cuối năm	249.942.012	494.052.050
Số tiền vay đã trả	(242.037.275.972)	(148.574.861.307)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>28.914.600.223</u></b>	<b><u>33.289.182.175</u></b>

**15b. Vay dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn phải trả bên liên quan</i>	<i>4.856.295.313</i>	<i>8.738.785.313</i>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty 28	4.856.295.313	8.738.785.313
<b>Cộng</b>	<b><u>4.856.295.313</u></b>	<b><u>8.738.785.313</u></b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Vay không có tài sản đảm bảo của Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty 28 để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, với lãi suất 4%/năm, thời hạn vay không quá 5 năm.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	4.856.295.313	-
Trên 1 năm đến 5 năm	-	8.738.785.313
<b>Cộng</b>	<b><u>4.856.295.313</u></b>	<b><u>8.738.785.313</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 QUẢNG NGÃI**

Địa chỉ: 121 Lê Trung Đình, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	8.738.785.313	15.555.440.873
Số tiền vay đã trả	-	(6.816.655.560)
Giảm nợ vay thành nguồn bổ sung vốn chủ sở hữu	(3.882.490.000)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.856.295.313</b>	<b>8.738.785.313</b>

**16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	284.938.878	526.363.733	34.600.000	(470.031.000)	375.871.611
Quỹ phúc lợi	92.395.966	263.181.866	-	(37.600.000)	317.977.832
<b>Cộng</b>	<b>377.334.844</b>	<b>789.545.599</b>	<b>34.600.000</b>	<b>(507.631.000)</b>	<b>693.849.443</b>

**17. Vốn chủ sở hữu****17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	10.073.980.000	2.586.548.233	2.100.271.892	14.760.800.125
Lợi nhuận năm trước	-	-	2.631.818.664	2.631.818.664
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm trước	-	-	(413.622.908)	(413.622.908)
Chia cổ tức năm trước	-	-	(1.208.877.600)	(1.208.877.600)
Thù lao hội đồng quản trị năm trước	-	-	(103.405.727)	(103.405.727)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>10.073.980.000</b>	<b>2.586.548.233</b>	<b>3.006.184.321</b>	<b>15.666.712.554</b>
Số dư đầu năm nay	10.073.980.000	2.586.548.233	3.006.184.321	15.666.712.554
Tăng do phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	1.154.500.000	-	-	1.154.500.000
Tăng do bù trừ nợ vay	3.882.490.000	-	-	3.882.490.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	3.944.999.246	3.944.999.246
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm trước	-	-	(789.545.599)	(789.545.599)
Chia cổ tức	-	-	(1.493.779.500)	(1.493.779.500)
Chi thù lao Hội đồng quản trị từ lợi nhuận năm trước	-	-	(148.908.433)	(148.908.433)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>15.110.970.000</b>	<b>2.586.548.233</b>	<b>4.518.950.035</b>	<b>22.216.468.268</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN 28 QUẢNG NGÃI

Địa chỉ: 121 Lê Trung Đình, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chợ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty 28	11.647.470.000	7.764.980.000
Các cổ đông khác	3.463.500.000	2.309.000.000
<b>Cộng</b>	<b>15.110.970.000</b>	<b>10.073.980.000</b>

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)	
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty 28	11.647.470.000	77,08	11.647.470.000
Các cổ đông khác	3.463.500.000	22,92	3.463.500.000
<b>Cộng</b>	<b>15.110.970.000</b>	<b>100</b>	<b>15.110.970.000</b>

Trong năm Công ty đã chào bán 503.699 cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu và các đối tác tiềm năng để bổ sung vốn kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 05 tháng 5 năm 2015. Số lượng cổ phiếu đã bán được là 503.699 cổ phiếu. Ngày 30 tháng 3 năm 2016 Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 03 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 15.110.970.000 VND.

#### 17c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.511.097	1.007.398
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.511.097	1.007.398
- Cổ phiếu phổ thông	1.511.097	1.007.398
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.511.097	1.007.398
- Cổ phiếu phổ thông	1.511.097	1.007.398
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

#### 17d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 ngày 06 tháng 5 năm 2016 như sau:

	Số tiền (VND)
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 1.493.779.500
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	: 789.545.599
• Trích thù lao hội đồng quản trị	: 148.908.433

## 18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

## 18a. Tài sản nhận giữ hộ

	Số lượng	Chủng loại	Quy cách	Chất lượng
<i>Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, gia công, nhận ủy thác</i>	<i>730.894,88</i>			
Nguyên vật liệu	246.562,48	Vải chính gia công	Cuộn	Tốt
Phụ liệu	484.332,40	Vật liệu phụ	-	Tốt

## 18b. Nợ khó đòi đã xử lý

Khoản nợ phải thu tiền hàng Công ty TNHH May mặc SM với số tiền 887.702.339 VND đã được xóa sổ do công ty này phá sản.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

## 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

## 1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	254.516.082.412	236.236.500.219
Doanh thu gia công	54.936.491.453	22.264.362.065
Doanh thu bán hàng hóa	3.558.182	887.315.226
Doanh thu dịch vụ	130.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>309.586.132.047</b>	<b>259.388.177.510</b>

## 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty TNHH Một thành viên Tổng công ty 28</i>	<i>2.980.811.820</i>	<i>6.333.780.444</i>
Doanh thu bán hàng hóa kí gửi	-	49.043.409
Doanh thu bán thành phẩm quốc phòng	-	2.451.229.165
Doanh thu gia công	2.881.811.820	3.833.507.870
Doanh thu cho thuê mặt bằng	99.000.000	-
<i>Công ty TNHH Một thành viên 28.1</i>	<i>585.152.932</i>	<i>706.955.280</i>
Doanh thu gia công	585.152.932	706.955.280

## 2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm	214.611.816.128	201.145.291.265
Giá vốn gia công	53.675.947.772	20.386.211.363
Giá vốn bán hàng hóa	3.009.185	705.880.623
<b>Cộng</b>	<b>268.290.773.085</b>	<b>222.237.383.251</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 QUẢNG NGÃI**

Địa chỉ: 121 Lê Trung Đình, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Chợ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	5.725.590	7.957.062
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	17.911.111
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	522.007.427	114.029.323
Thu nhập tài chính khác	3.729.992	22.511.338
<b>Cộng</b>	<b><u>531.463.009</u></b>	<b><u>162.408.834</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1.764.635.622	2.427.694.946
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	293.246.778	332.287.364
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	470.165.705
Khác	918.818	623.520
<b>Cộng</b>	<b><u>2.058.801.218</u></b>	<b><u>3.230.771.535</u></b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí vật liệu, bao bì	15.259.316.440	9.805.514.297
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.086.458.680	8.008.558.534
- Chi phí vận chuyển bốc xếp	2.787.864.739	3.825.286.558
- Chi phí ủi, mẫu, thuê, nhân, quảng cáo	897.436.560	2.605.167.334
- Chi phí xuất khẩu	2.399.715.642	1.492.609.709
- Chi phí mua ngoài khác	1.441.739	85.494.933
Các chi phí khác	35.094.463	20.940.693
<b>Cộng</b>	<b><u>21.380.869.583</u></b>	<b><u>17.835.013.524</u></b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	8.071.429.375	7.433.109.936
Chi phí vật liệu quản lý	264.976.979	225.475.114
Thuế, phí và lệ phí	664.274.400	619.842.114
Dự phòng phải thu khó đòi	-	665.009.374
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.254.655.026	1.024.480.755
Các chi phí khác	3.155.647.008	2.841.129.860
<b>Cộng</b>	<b><u>13.410.982.788</u></b>	<b><u>12.809.047.153</u></b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ bán phế liệu	-	345.382.023
Thu phạt hợp đồng	9.099.550	-
Khách hàng hỗ trợ	83.691.783	-
Thu nhập khác	20.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>112.791.333</u></b>	<b><u>345.382.023</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 QUẢNG NGÃI**

Địa chỉ: 121 Lê Trung Đình, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền phạt do vi phạm hợp đồng	-	112.967.278
Nộp phạt thuế	6.243.439	95.241.246
Nộp lại Bảo hiểm xã hội	-	73.685.677
Tiền lãi chậm nộp Bảo hiểm xã hội	69.299.947	-
<b>Cộng</b>	<b><u>75.543.386</u></b>	<b><u>281.894.201</u></b>

**9. Lãi trên cổ phiếu****9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.944.999.246	2.631.818.664
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.183.499.774)	(789.545.599)
Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành	(197.249.962)	(148.908.433)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.564.249.510	1.693.364.632
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	1.428.412	1.007.398
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>1.795</u></b>	<b><u>1.681</u></b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	1.007.398	1.007.398
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 29 tháng 02 năm 2016	325.491	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 05 tháng 03 năm 2016	95.523	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b><u>1.428.412</u></b>	<b><u>1.007.398</u></b>

**9b. Thông tin khác**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 2.090 VND xuống còn 1.681 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	188.160.363.552	158.998.992.298
Chi phí nhân công	63.618.133.318	67.435.170.881
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.860.406.925	2.327.545.181
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.235.433.967	18.973.382.747
Chi phí khác	14.443.797.906	10.683.259.866
<b>Cộng</b>	<b><u>286.318.135.668</u></b>	<b><u>258.418.350.973</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN 28 QUẢNG NGÃI

Địa chỉ: 121 Lê Trung Đình, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

### Giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty đã nhận góp vốn điều lệ từ Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty 28 bằng việc bù trừ khoản nợ vay dài hạn trị giá 3.882.490.000 VND tương đương với 388.249 cổ phiếu.

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### I. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

#### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

#### *Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

#### *Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 531.838.572 VND (cùng kỳ năm trước là 604.159.830 VND).

#### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

#### **Bên liên quan khác**

Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty 28  
Công ty Cổ phần 28 Đà Nẵng  
Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú  
Công ty Cổ phần Bình Phú  
Công ty TNHH Một thành viên 28.1

#### **Mối quan hệ**

Công ty mẹ  
Công ty trong cùng tập đoàn  
Công ty trong cùng tập đoàn  
Công ty trong cùng tập đoàn  
Công ty trong cùng tập đoàn



**CÔNG TY CỔ PHẦN 28 QUẢNG NGÃI**

Địa chỉ: 121 Lê Trung Đình, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Chợ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các giao dịch khác phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty 28</b>	<b>7.421.140.411</b>	<b>11.074.706.588</b>
Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	346.345.000	355.038.125
Các khoản khen thưởng chi hộ	1.352.048.080	1.430.292.643
Chia cổ tức năm trước bằng bù trừ công nợ	-	931.797.600
Chia cổ tức lợi nhuận năm nay	1.164.747.000	-
Nộp kinh phí lên cấp trên	457.639.547	1.440.345.015
Thanh toán nợ vay dài hạn	-	6.816.655.560
Tổng Công ty mua vốn cổ phần bằng bù trừ nợ vay dài hạn	3.882.490.000	-
Chi phí lãi vay phải trả	203.290.784	100.577.645
Thù lao Hội đồng quản trị	14.580.000	-
<b>Công ty Cổ phần 28 Hưng Phú</b>	<b>1.007.592.313</b>	<b>835.730.776</b>
Chi phí xuất nhập khẩu	1.007.592.313	835.730.776
<b>Công ty Cổ phần Bình Phú</b>	<b>214.000.000</b>	<b>153.100.000</b>
Nhập bảo hộ lao động năm 2015	214.000.000	153.100.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.10, V.14, V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

**2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 02 năm 2017



**Nguyễn Thị Bình**  
Người lập biểu



**Nguyễn Thị Thanh Nga**  
Kế toán trưởng



**Bùi Văn Hóa**  
Tổng Giám đốc